

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-5-2023
V/v “Ly hôn tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Rất
2. Ông Nguyễn Xuân Lãm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1984; địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Hồ Minh B, sinh năm: 1980; địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-8-2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Hồ Minh B tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại xã H, huyện T (nay là thị xã T), cưới xong chị về sống chung nhà cha mẹ chồng được 01 năm, vợ chồng xây nhà ra ở riêng trên đất của cha mẹ chồng cho. Vợ chồng sống đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng hay lời qua tiếng lại cãi vã nhau, mỗi lần cãi vã thì anh B hay đánh chị mấy cái bằng tay, còn đuổi chị đi, anh B không tin tưởng chị về tình cảm và tiền bạc, anh hay ghen tuông vô cớ, chị đi đâu anh cũng không cho, cuộc sống không hạnh phúc, đến tháng 8-2022 vợ chồng gây cãi nhau, anh đánh chửi đuổi nên chị bỏ đi về nhà

cha mẹ ruột ở, sau đó thuê nhà trọ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian này anh Bạch c gọi điện chửi mắng chứ không năn nỉ chị về ở lại. Do cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nên chị xin ly hôn với anh B.

- Về con chung: có 02 cháu Hồ Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 05-9-2007 và Hồ Nguyễn Triết M, sinh ngày 02-8-2013, hiện anh B đang nuôi, cuối tuần chị rước con về chơi. Nay chị yêu cầu con sống với anh B thì anh Bạch n, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngày 05-5-2023 chị có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08-02-2023 và ngày 21-4-2023 bị đơn anh Hồ Minh B trình bày: anh và chị T tự nguyện cưới nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại xã H, huyện T, cưới xong vợ về sống chung bên gia đình anh, sau đó xây nhà ra ở riêng trên đất của cha mẹ anh cho. Vợ chồng sống đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn, do vợ không trung thực về tình cảm và tiền bạc với anh, nên vợ chồng hay cãi vã, gây gổ nhau, cuộc sống không hạnh phúc, nên vợ bỏ nhà đi mấy tháng thì vợ chồng đoàn tụ lại, sống đến giữa năm 2022 thì vợ bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay vợ xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 02 cháu Hồ Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 05-9-2007 và Hồ Nguyễn Triết M, sinh ngày 02-8-2013, hiện anh đang nuôi, cuối tuần vợ rước con về chơi. Nay anh yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: có số tài sản vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, anh không yêu cầu giải quyết. Ngày 21-4-2023 anh có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị T, anh B có yêu cầu xin vắng mặt có lý do, nên xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh B; về con chung: giao 02 cháu Hồ Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 05-9-2007 và Hồ Nguyễn Triết M, sinh ngày 02-8-2013 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh B không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: anh chị tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết, về nợ chung: anh chị khai không có không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị T, anh B có đơn xin vắng mặt có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố

tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị T và anh B tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ giữa năm 2022.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, về tình cảm và tiền bạc không rõ ràng, dẫn đến anh chị không tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc nên chị T bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2022. Qua làm việc anh B đồng ý ly hôn với chị T. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 02 cháu Hồ Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 05-9-2007 và Hồ Nguyễn Triết M, sinh ngày 02-8-2013, anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; chị T đồng ý theo yêu cầu của anh B. Xét thấy, anh chị thoả thuận tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu Anh T1 và Triết M và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung*: chị T, anh B không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị T, anh B khai không có, nên không giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị T chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Hồ Minh B. Chị T được ly hôn với anh B.

2. *Về con chung*: giao 02 cháu Hồ Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 05-9-2007 và Hồ Nguyễn Triết M, sinh ngày 02-8-2013 cho anh Hồ Minh B được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị T, anh B tự thoả thuận không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị T, anh B khai không có nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Nguyễn Thị T chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0026945 ngày 01-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị

xã Trảng Bàng. Chị T nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Hưng Thuận, Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị An